

Bản án số: 25/2020/DS-ST
Ngày 04-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh
2. Bà Nguyễn Thị Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2020/TLST- DS ngày 17 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: 27/6, đường Chiến Lược, phường BTĐ, quận BT, Thành phố HCM; Tạm Trú: Khu phố TL, phường GL, thị xã TB, tỉnh TN(Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn C, sinh năm 1960;

Bà Trịnh Thị K, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã BD, huyện GD, tỉnh TN.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông C, bà K là ông Trần Quốc T1, sinh năm 1987; địa chỉ: số 171, khu phố HN, phường HN1, Thành phố TN, tỉnh TN, theo văn bản ủy quyền số 186 ngày 06-5-2020 của Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn Long, địa chỉ: khu phố Thanh Bình C, thị trấn GD (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà T trình bày:
Ngày 01-02-2019 bà cho vợ chồng ông Võ Văn C, bà Trịnh Thị K vay số tiền 900.000.000 đồng, không thời hạn, với lãi suất 03%/ tháng, trả tiền lãi vào ngày 01 tây hàng tháng, mục đích vay trả nợ ngân hàng và làm vốn làm ăn. Vợ chồng ông C trả tiền lãi được 13.500.000 đồng không trả nữa. Ngày 30-8-2019 bà yêu cầu vợ chồng ông C trả lại số tiền nợ gốc, vợ chồng ông C hẹn đến ngày 30-10-2019 bán nhà, đất trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà nhưng vợ chồng ông C thực

hiện không đúng cam kết. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông C trả lại số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng, tiền lãi suất không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt và nêu ý kiến ngày 03-5-2020 của vợ chồng ông C và bản tự khai ngày 06-5-2020 của ông Trần Quốc T1 (Người đại diện theo ủy quyền cho vợ chồng ông C) trình bày phù hợp với lời trình bày của bà T và đồng ý trả nợ cho bà T.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, các đương sự thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của hai bên đương sự có căn cứ xác định ngày 01-02-2019 vợ chồng ông C vay của bà T số tiền 900.000.000 đồng, không thời hạn, với lãi suất 03%/ tháng; sau khi vay trả tiền lãi được 13.500.000 đồng; ngày 30-10-2019 vợ chồng ông C hứa bán nhà, đất trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà T nhưng thực hiện không đúng cam kết. Bà T yêu cầu vợ chồng ông C trả lại số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng, tiền lãi suất không yêu cầu giải quyết là có căn cứ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổng tụng: ông Trần Quốc T1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa bà T yêu cầu là vợ chồng ông Võ Văn C, bà Trịnh Thị K phải trả số tiền đã vay là 900.000.000 đồng; chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà T xuất trình giấy vay tiền ngày 01-02-2019 có nội dung vợ chồng ông C vay của bà số tiền 900.000.000 đồng và giấy hẹn nợ ngày 30-8-2019 có chữ ký và điểm của vợ chồng ông C. Tại đơn xin vắng mặt và nêu ý kiến ngày 03-5-2020 của vợ chồng ông C và bản tự khai ngày 06-5-2020 của ông Trần Quốc T1 (Người đại diện theo ủy quyền cho vợ chồng ông C) thừa nhận còn nợ bà T số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở xác định vợ chồng ông C còn nợ bà T số tiền 900.000.000 đồng. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc vợ chồng ông C phải trả số tiền 900.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T nên vợ chồng ông C phải chịu 39.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên ông C là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà K phải chịu 19.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 12, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Võ Văn C, bà Trịnh Thị K.

2. Buộc ông Võ Văn C và bà Trịnh Thị K phải trả cho bà Lê Thị T số tiền 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Võ Văn C. Bà Trịnh Thị K phải chịu 19.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị T 19.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000252 ngày 17-3-2020 của Chi cục Thi hành án huyện GD.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- CC.THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng